TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 12 - 2024
V/v *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thế Kỳ.

2. Ông Nguyễn Xuân Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Thảo T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Thanh S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo T trình bày:

Bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hai gia đình có làm đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời kỳ sống

chung, giữa bà T và ông S thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hiện nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S có 02 con chung là Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 03/9/1991 và Đặng Gia H, sinh ngày 07/12/2001 đều đã trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Đặng Thanh S trình bày: Ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hai gia đình có làm đám cưới theo phong tục địa phương. Trong thời kỳ sống chung, giữa ông S và bà T thường xuyên xảy ra mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm. Hiện nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, ông S yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T có 02 con chung là Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 03/9/1991 và Đặng Gia H, sinh ngày 07/12/2001 đều đã trên 18 tuổi nên ông S không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S tự thỏa thuận, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi được phân công giải quyết vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo T. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T; về con chung: Các con chung của ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T là Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 03/9/1991 và Đặng Gia H, sinh ngày 07/12/2001 đã trên 18 tuổi nên đề nghị không xem xét,

giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Thảo T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng Thanh S nên quan hệ tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đặng Thanh S đang cư trú tại thôn 3, xã N, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo T và bị đơn ông Đặng Thanh S vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thảo T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay và có 02 con chung. Quá trình chung sống ông Sơn, bà T không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù có đầy đủ điều kiện kết hôn, mặt khác Nhà nước có chính sách khuyến khích đăng ký kết hôn nhưng ông bà vẫn không chấp hành là vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".

Mặt khác, trong quá trình chung sống giữa bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S và bà T tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay ông S và bà T nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo T là có căn cứ cần chấp nhận, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S có 02 con chung là Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 03/9/1991 và Đặng Gia H, sinh ngày 07/12/2001 đều đã trên 18 tuổi và ông Sơn, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thảo T và ông Đặng Thanh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Thảo T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo T.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T.

2. Về con chung: Các con chung của ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T là Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 03/9/1991 và Đặng Gia H, sinh ngày 07/12/2001 đều đã trên 18 tuổi và ông Sơn, bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị Thảo T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* mà bà Phạm Thị Thảo T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003011 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Thanh S và bà Phạm Thị Thảo T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký, đóng dấu

Lê Xuân Diệu